

Số: /QĐ-TTPTQĐ

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt đơn giá khởi điểm làm cơ sở cho thuê đất ngắn hạn đối với  
43 (bốn mươi ba) khu đất lớn và 40 (bốn mươi) khu đất phân lô  
(bao gồm 139 lô đất tái định cư) trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

### GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025;*

*Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;*

*Căn cứ Nghị quyết số 28/2026/NQ-HĐND ngày 29/5/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định về giá đất và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;*

*Căn cứ Quyết định số 60/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc quy định tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền hằng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;*

*Căn cứ Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất trả tiền hằng năm không thông qua hình thức đấu giá, mức đơn giá thuê đất thuê đất xây dựng công trình ngầm, mức đơn giá thuê đất đối với đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;*

*Căn cứ Quyết định số 31/2026/QĐ-UBND ngày 13/4/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định trình tự, thủ tục cho thuê ngắn hạn do Trung tâm Phát triển quỹ đất quản lý trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;*

*Căn cứ Quyết định số 2081/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc ủy quyền phê duyệt đơn giá khởi điểm cho thuê quỹ đất ngắn hạn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;*

*Theo Thông báo số 166/TB-TTPTQĐ ngày 03/6/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố về việc công bố công khai Danh mục cho thuê quỹ đất ngắn hạn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (DM01T6);*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đấu giá và Giá đất.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đơn giá khởi điểm làm cơ sở cho thuê đất ngắn hạn đối với 43 (bốn mươi ba) khu đất lớn và 40 (bốn mươi) khu đất phân lô (bao gồm 139 lô đất tái định cư) trên địa bàn thành phố Đà Nẵng tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Căn cứ đơn giá đất khởi điểm tại Điều 1 nêu trên, Phòng Đấu giá và Giá đất có trách nhiệm thực hiện các thủ tục liên quan, lựa chọn các tổ chức, cá nhân thuê đất ngắn hạn theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thực hiện kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Trung tâm; Trưởng các phòng: Phòng Đấu giá và Giá đất; Phòng Quản lý và Phát triển quỹ đất; Phòng Bồi thường, Giải phóng mặt bằng và Đo đạc; Giám đốc các Chi nhánh khu vực trực thuộc Trung tâm và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- UBND TP (để b/cáo);
- BGD Trung tâm;
- Lưu: VT, ĐG&GD.

**GIÁM ĐỐC**

**Võ Nguyên Chương**

**Phụ lục**

**Đơn giá khởi điểm làm cơ sở cho thuê đất ngắn hạn đối với 43 (bốn mươi ba) khu đất lớn và 40 (bốn mươi) khu đất phân lô (bao gồm 139 lô đất tái định cư) trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTPTQĐ ngày / /2026 của Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng)*

<b>TT</b>	<b>Tên Khu đất</b>	<b>Mục đích sử dụng đất</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Đơn giá khởi điểm cho thuê đất (đồng/m<sup>2</sup> /năm)</b>	<b>Giá trị cho thuê đất (đồng/năm)</b>
<b>A</b>	<b>43 KHU ĐẤT LỚN</b>				
<b>I</b>	<b>PHƯỜNG AN HẢI</b>				
1	Khu đất ký hiệu A12-1 thuộc Khu phức hợp Trung tâm tài chính, thương mại, vui chơi giải trí, casino và chung cư cao cấp	Đất công trình giao thông (nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe kết hợp chăm sóc xe)	Khoảng 2.382,7	447.583	1.066.456.000
2	Khu đất ký hiệu A12-2 thuộc Khu phức hợp Trung tâm tài chính, thương mại, vui chơi giải trí, casino và chung cư cao cấp	Đất công trình giao thông (nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe kết hợp chăm sóc xe)	Khoảng 2.155,3	1.138.058	2.452.856.000
3	Khu đất ký hiệu A12-3 thuộc Khu phức hợp Trung tâm tài chính, thương mại, vui chơi giải trí, casino và chung cư cao cấp	Đất công trình giao thông (nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe kết hợp chăm sóc xe)	Khoảng 3.095,0	1.110.746	3.437.759.000
4	Khu đất ký hiệu A14-1 thuộc Khu phức hợp Trung tâm tài chính, thương mại, vui chơi giải trí, casino và chung cư cao cấp	Đất công trình giao thông (nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe kết hợp chăm sóc xe)	Khoảng 2.544,3	1.100.905	2.801.033.000
5	Khu đất ký hiệu A14-2 thuộc Khu phức hợp Trung tâm tài chính, thương mại, vui chơi giải trí, casino và chung cư cao cấp	Đất công trình giao thông (nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe kết hợp chăm sóc xe)	Khoảng 2.683,6	1.007.066	2.702.562.000
6	Khu đất ký hiệu A14-3 thuộc Khu phức hợp Trung tâm tài chính, thương mại, vui chơi giải trí, casino và chung cư cao cấp	Đất công trình giao thông (nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe kết hợp chăm sóc xe)	Khoảng 2.745,6	1.003.620	2.755.539.000

<b>TT</b>	<b>Tên Khu đất</b>	<b>Mục đích sử dụng đất</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Đơn giá khởi điểm cho thuê đất (đồng/m<sup>2</sup>/năm)</b>	<b>Giá trị cho thuê đất (đồng/năm)</b>
7	Khu đất ký hiệu A14-4 thuộc Khu phức hợp Trung tâm tài chính, thương mại, vui chơi giải trí, casino và chung cư cao cấp	Đất công trình giao thông (nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe kết hợp chăm sóc xe)	Khoảng 2.353,5	1.094.914	2.576.880.000
8	Khu đất ký hiệu A15-1 thuộc Khu phức hợp Trung tâm tài chính, thương mại, vui chơi giải trí, casino và chung cư cao cấp	Đất công trình giao thông (nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe kết hợp chăm sóc xe)	Khoảng 4.650,3	1.199.515	5.578.105.000
9	Khu đất ký hiệu A15-2 thuộc Khu phức hợp Trung tâm tài chính, thương mại, vui chơi giải trí, casino và chung cư cao cấp	Đất công trình giao thông (nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe kết hợp chăm sóc xe)	Khoảng 3.268,2	288.920	944.248.000
10	Khu đất ký hiệu A15-3 thuộc Khu phức hợp Trung tâm tài chính, thương mại, vui chơi giải trí, casino và chung cư cao cấp	Đất công trình giao thông (nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe kết hợp chăm sóc xe)	Khoảng 2.974,5	290.768	864.889.000
11	Khu đất ký hiệu A*-1 thuộc Khu phức hợp Trung tâm tài chính, thương mại, vui chơi giải trí, casino và chung cư cao cấp	Đất công trình giao thông (nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe kết hợp chăm sóc xe)	Khoảng 3.071,2	622.074	1.910.514.000
12	Khu đất ký hiệu A*-2 thuộc Khu phức hợp Trung tâm tài chính, thương mại, vui chơi giải trí, casino và chung cư cao cấp	Đất công trình giao thông (nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe kết hợp chăm sóc xe)	Khoảng 2.816,4	612.565	1.725.228.000
13	Khu đất ký hiệu A*-3 thuộc Khu phức hợp Trung tâm tài chính, thương mại, vui chơi giải trí, casino và chung cư cao cấp	Đất công trình giao thông (nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe kết hợp chăm sóc xe)	Khoảng 2.599,6	1.302.998	3.387.274.000
14	Khu đất ký hiệu A*-4 thuộc Khu phức hợp Trung tâm tài chính, thương mại, vui chơi giải trí, casino và chung cư cao cấp	Đất công trình giao thông (nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe kết hợp chăm sóc xe)	Khoảng 3.317,6	1.119.107	3.712.749.000

<b>TT</b>	<b>Tên Khu đất</b>	<b>Mục đích sử dụng đất</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Đơn giá khởi điểm cho thuê đất (đồng/m<sup>2</sup>/năm)</b>	<b>Giá trị cho thuê đất (đồng/năm)</b>
15	Khu đất ký hiệu A*-5 thuộc Khu phức hợp Trung tâm tài chính, thương mại, vui chơi giải trí, casino và chung cư cao cấp	Đất công trình giao thông (nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe kết hợp chăm sóc xe)	Khoảng 3.010,2	1.084.110	3.263.388.000
16	Khu đất ký hiệu A*-6 thuộc Khu phức hợp Trung tâm tài chính, thương mại, vui chơi giải trí, casino và chung cư cao cấp	Đất công trình giao thông (nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe kết hợp chăm sóc xe)	Khoảng 2.692,0	1.341.278	3.610.720.000
17	Khu đất ký hiệu A*-7 thuộc Khu phức hợp Trung tâm tài chính, thương mại, vui chơi giải trí, casino và chung cư cao cấp	Đất công trình giao thông (nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe kết hợp chăm sóc xe)	Khoảng 2.162,1	1.194.765	2.583.201.000
18	Khu đất ký hiệu A*-8 thuộc Khu phức hợp Trung tâm tài chính, thương mại, vui chơi giải trí, casino và chung cư cao cấp	Đất công trình giao thông (nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe kết hợp chăm sóc xe)	Khoảng 2.442,6	1.196.925	2.923.609.000
19	Khu đất ký hiệu A*-9 thuộc Khu phức hợp Trung tâm tài chính, thương mại, vui chơi giải trí, casino và chung cư cao cấp	Đất công trình giao thông (nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe kết hợp chăm sóc xe)	Khoảng 2.784,1	490.039	1.364.318.000
20	Khu đất ký hiệu A*-10 thuộc Khu phức hợp Trung tâm tài chính, thương mại, vui chơi giải trí, casino và chung cư cao cấp	Đất công trình giao thông (nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe kết hợp chăm sóc xe)	Khoảng 2.584,3	490.693	1.268.098.000
<b>II</b>	<b>PHƯỜNG SƠN TRÀ</b>				
1	Khu đất ký hiệu A2 thuộc Vệt Thương mại dịch vụ từ đường Nguyễn Phan Vinh đến đường Lê Văn Thứ	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	685,3	1.387.470	950.833.000

<b>TT</b>	<b>Tên Khu đất</b>	<b>Mục đích sử dụng đất</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Đơn giá khởi điểm cho thuê đất (đồng/m<sup>2</sup>/năm)</b>	<b>Giá trị cho thuê đất (đồng/năm)</b>
<b>III</b>	<b>PHƯỜNG HÒA XUÂN</b>				
1	Khu đất ký hiệu A2-4 thuộc Khu E1 - KDC Nam cầu Cẩm Lệ	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao (sân đá bóng, Pickerball, sân tennis, sân cầu lông...)	5.281,0	127.732	674.553.000
2	Khu đất ký hiệu A2.7 thuộc Khu E2 - KDC Nam cầu Cẩm Lệ	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	6.103,0	257.903	1.573.982.000
3	Khu đất ký hiệu A2.6 thuộc Khu E2 - KDC Nam cầu Cẩm Lệ	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	5.544,0	212.274	1.176.847.000
4	Khu đất ký hiệu C2-4 thuộc Vệt khai thác quỹ đất dọc tuyến Quốc lộ 1A	Đất công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe kết hợp chăm sóc xe)	3.690,9	72.738	268.469.000
<b>IV</b>	<b>PHƯỜNG CẨM LỆ</b>				
1	Khu đất ký hiệu HH2-1 (A2-2) thuộc KDC An Hòa	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	4.362,3	256.193	1.117.591.000
2	Khu đất thu hồi của Công ty TNHH Xây lắp và Thương mại Kim Huy tại dự án Khu dân cư Nam sân bay	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các	6.342,1	132.247	838.724.000

<b>TT</b>	<b>Tên Khu đất</b>	<b>Mục đích sử dụng đất</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Đơn giá khởi điểm cho thuê đất (đồng/m<sup>2</sup>/năm)</b>	<b>Giá trị cho thuê đất (đồng/năm)</b>
		loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)			
3	Khu đất số 17 thuộc Khu dân cư Khuê Trung - Đà Xu - Hòa Cường, phường Khuê Trung	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	1.876,7	295.261	554.116.000
4	Khu đất ký hiệu D30 thuộc KDC An Hòa	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao (sân đá bóng, Pickerball, sân tennis, sân cầu lông...)	4.527,7	153.245	693.847.000
5	Khu đất ký hiệu A1 thuộc khu vực xung quanh nút giao thông Quốc lộ 1A và đường vào Trung tâm y tế huyện Hòa Vang	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	748,0	185.350	138.642.000
<b>V</b>	<b>PHƯỜNG HÒA KHÁNH</b>				
1	Khu đất ký hiệu X1 thuộc Khu tái định cư Hòa Minh 1-2-3	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao (sân đá bóng, Pickerball, sân tennis, sân cầu lông...)	2.207,0	89.689	197.944.000
2	Khu đất ký hiệu A2-1 thuộc Khu số 1 - Trung tâm đô thị mới Tây Bắc	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao (sân đá bóng, Pickerball, sân tennis, sân cầu lông...)	1.498,0	79.805	119.548.000
3	Khu đất ký hiệu GD thuộc Khu số 7 mở rộng - Trung tâm đô thị mới Tây Bắc	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao (sân đá bóng, Pickerball, sân tennis, sân cầu lông...)	5.499,0	87.200	479.513.000

<b>TT</b>	<b>Tên Khu đất</b>	<b>Mục đích sử dụng đất</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Đơn giá khởi điểm cho thuê đất (đồng/m<sup>2</sup>/năm)</b>	<b>Giá trị cho thuê đất (đồng/năm)</b>
<b>VI</b>	<b>PHƯỜNG LIÊN CHIỂU</b>				
1	Khu đất ký hiệu A3-2 thuộc Khu dân cư phía Nam đường Nguyễn Tất Thành nối dài	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	5.971,0	73.163	436.856.000
<b>VII</b>	<b>PHƯỜNG THANH KHÊ</b>				
1	Khu đất ký hiệu A2-4 (1) thuộc Khu đất khu chung cư 9 tầng tại khu đất dọc đường Nguyễn Cao	Đất công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe kết hợp chăm sóc xe)	2.500,0	152.504	381.260.000
2	Khu đất ký hiệu A2-4 (2) Khu đất khu chung cư 9 tầng tại khu đất dọc đường Nguyễn Cao	Đất công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe kết hợp chăm sóc xe)	2.322,5	152.822	354.929.000
<b>VIII</b>	<b>PHƯỜNG HẢI CHÂU</b>				
1	Khu đất số 110 Ông Ích Khiêm	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	131,7	598.600	78.836.000
2	Khu đất số 52 Trần Quốc Toản	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	138,1	892.400	123.240.000
3	Khu đất số 10 Trần Bình Trọng	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các	131,6	547.500	72.051.000

<b>TT</b>	<b>Tên Khu đất</b>	<b>Mục đích sử dụng đất</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Đơn giá khởi điểm cho thuê đất (đồng/m<sup>2</sup>/năm)</b>	<b>Giá trị cho thuê đất (đồng/năm)</b>
		loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)			
4	Khu đất 129 Hải Phòng	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	261,3	676.700	176.822.000
5	Khu đất số 324 Hùng Vương	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	208,8	1.136.125	237.223.000
<b>IX</b>	<b>PHƯỜNG HỘI AN TÂY</b>				
1	Khu đất ký hiệu A10 thuộc Khu tái định Làng Chài	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	703,0	86.610	60.887.000
<b>X</b>	<b>XÃ ĐẠI LỘC</b>				
1	Khu 7, thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc (cũ)	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	4.566,8	28.479	130.058.000

<b>TT</b>	<b>Tên Khu đất</b>	<b>Mục đích sử dụng đất</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Đơn giá khởi điểm cho thuê đất (đồng/m<sup>2</sup>/năm)</b>	<b>Giá trị cho thuê đất (đồng/năm)</b>
<b>B</b>	<b>40 KHU TÁI ĐỊNH CƯ (BAO GỒM 139 LÔ ĐẤT):</b>				
<b>I</b>	<b>PHƯỜNG SƠN TRÀ</b>				
1	Khu TĐC Mân Thái 3 (gồm 09 lô: từ lô số 25 đến lô số 23)	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	853,3	394.700	336.798.000
2	Khu dân cư Mân Thái (dự án 85) (gồm 10 lô: từ lô số 01 đến lô số 10)	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao (sân đá bóng, Pickercball, sân tennis, sân cầu lông...)	1.138,3	224.406	255.441.000
<b>II</b>	<b>PHƯỜNG HÒA XUÂN</b>				
1	Khu E1, Khu dân cư Nam Cầu Cẩm Lệ (gồm 02 lô: lô số 11 và 12)	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	569,7	203.830	116.122.000
<b>III</b>	<b>PHƯỜNG CẨM LỆ</b>				
1	KDC Nam sân bay (gồm 02 lô: lô số 65 và 67)	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	220,0	237.600	52.272.000
<b>IV</b>	<b>PHƯỜNG HÒA KHÁNH</b>				
1	Khu dân cư phía Tây Nguyễn Huy Tưởng (gồm 06 lô: từ lô số 31 đến lô số 36)	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các	614,5	134.068	82.385.000

<b>TT</b>	<b>Tên Khu đất</b>	<b>Mục đích sử dụng đất</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Đơn giá khởi điểm cho thuê đất (đồng/m<sup>2</sup>/năm)</b>	<b>Giá trị cho thuê đất (đồng/năm)</b>
		loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)			
2	Khu dân cư số 2 Nguyễn Huy Tường (gồm 03 lô: lô số 72, 73 và lô số 74)	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	342,4	136.730	46.816.000
3	Trục I-TTĐT mới Tây Bắc (gồm 04 lô: từ lô số 165 đến lô số 168)	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	400,0	211.550	84.620.000
4	Trục I-TTĐT mới Tây (gồm 04 lô: từ lô số 161 đến lô số 164)	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	400,0	211.550	84.620.000
5	Khu số 2-TTĐT mới Tây Bắc (GD 2) (gồm 04 lô: từ lô số 01 đến lô số 04)	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	439,6	330.220	145.165.000
<b>V</b>	<b>PHƯỜNG LIÊN CHIỂU</b>				
1	Khu tái định cư Hòa Hiệp 4 (lô đất số 29)	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	148,4	111.840	16.597.000

<b>TT</b>	<b>Tên Khu đất</b>	<b>Mục đích sử dụng đất</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Đơn giá khởi điểm cho thuê đất (đồng/m<sup>2</sup>/năm)</b>	<b>Giá trị cho thuê đất (đồng/năm)</b>
2	KDC dọc tuyến đường DT 602 giáp khu công nghiệp Hòa Khánh (lô đất số 01)	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	134,2	92.640	12.432.000
<b>VI</b>	<b>PHƯỜNG HẢI VÂN</b>				
1	Khu đất ký hiệu C1 thuộc Khu TĐC Hòa Hiệp 2 (gồm 18 lô: Lô số 1, 3, 5, 7, 9, 11 và lô số 13 đến lô số 24)	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao (sân đá bóng, Pickerball, sân tennis, sân cầu lông...)	6.708,7	99.785	669.428.000
2	Khu đất ký hiệu B2-3 thuộc Khu TĐC Hòa Hiệp 3 (gồm 07 lô: Lô số 8 đến lô số 14)	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	802,3	151.658	121.675.000
<b>VII</b>	<b>PHƯỜNG HẢI CHÂU</b>				
1	Khu đất ký hiệu B2.1 thuộc Khu dân cư Nam đường 3 tháng 2 (gồm 01 lô: Lô số 8)	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	82,9	543.500	45.056.000
2	Khu đất ký hiệu B2-1 thuộc Khu tái định cư khu vực đường Hải Phòng - Lê Lợi - Nguyễn Chí Thanh (gồm 01 lô: Lô số 1)	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	124,6	574.300	71.558.000

<b>TT</b>	<b>Tên Khu đất</b>	<b>Mục đích sử dụng đất</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Đơn giá khởi điểm cho thuê đất (đồng/m<sup>2</sup>/năm)</b>	<b>Giá trị cho thuê đất (đồng/năm)</b>
3	Khu đất ký hiệu B2-1 thuộc Khu tái định cư khu vực đường Hải Phòng - Lê Lợi - Nguyễn Chí Thanh (gồm 01 lô: Lô số 3)	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	124,6	574.300	71.558.000
<b>VIII PHƯỜNG HÒA CƯỜNG</b>					
1	Khu đất ký hiệu B1.29 thuộc Khu Tây Nam Hòa Cường (gồm 01 lô: Lô số 1612)	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	109,5	323.520	35.425.000
2	Khu đất ký hiệu A thuộc Khu dân cư Trường Sa (gồm 01 lô: 97b)	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	146,8	613.000	89.988.000
3	Khu đất ký hiệu B thuộc Khu dân cư dọc tuyến Trường Sa (gồm 01 lô: 2)	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	181,2	429.360	77.800.000
4	Khu đất ký hiệu B5.18 thuộc Khu dân cư 2 Nguyễn Tri Phương (gồm 01 lô: số 01)	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	120,0	506.268	60.752.000
5	Khu đất ký hiệu B5.18 thuộc Khu dân cư 2 Nguyễn Tri Phương (gồm 03 lô: Lô số 12, 13, 14)	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các	269,8	459.200	123.892.000

<b>TT</b>	<b>Tên Khu đất</b>	<b>Mục đích sử dụng đất</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Đơn giá khởi điểm cho thuê đất (đồng/m<sup>2</sup>/năm)</b>	<b>Giá trị cho thuê đất (đồng/năm)</b>
		loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)			
6	Khu đất ký hiệu B2-4 thuộc Khu dân cư Nguyễn Thiện Thuật - Phan Thành Tài (gồm 01 lô: Lô số 36)	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	76,0	401.900	30.544.000
7	Khu đất ký hiệu BS1 thuộc Khu dân cư Tuyên Sơn mở rộng (gồm 01 lô: Lô số 3)	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	112,6	416.400	46.887.000
8	Khu đất ký hiệu B2-2 thuộc Khu TĐC tại khu đất có ký hiệu A2-3, A2-4, A2-5, A2-6 thuộc khu số 02 Nguyễn Tri Phương (gồm 02 lô: Lô số 1, 2)	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	353,0	735.600	259.667.000
9	Khu đất ký hiệu A thuộc Khu dân cư dọc tuyến Trường Sa (gồm 01 lô: Lô số 9)	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	159,9	613.000	98.019.000
10	Khu đất ký hiệu A thuộc Khu dân cư dọc tuyến Trường Sa (gồm 03 lô: lô đất số 172a, 172b và 174a)	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	392,4	613.000	240.541.000

<b>TT</b>	<b>Tên Khu đất</b>	<b>Mục đích sử dụng đất</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Đơn giá khởi điểm cho thuê đất (đồng/m<sup>2</sup>/năm)</b>	<b>Giá trị cho thuê đất (đồng/năm)</b>
11	Khu đất ký hiệu A2-7 thuộc Khu dân cư dọc tuyến Trường Sa (lô đất số 136)	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	135,7	613.000	83.184.000
12	Khu đất ký hiệu B2-3 thuộc Khu TDĐC tại khu đất có ký hiệu A2-3, A2-4, A2-5, A2-6 thuộc khu số 2 Nguyễn Tri Phương (gồm 02 lô: lô số 07 và 08) và Khu đất ký hiệu B2-3 thuộc Khu dân cư dọc tuyến Trường Sa (lô đất số 59a)	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	452,8	613.000	277.566.000
13	Khu đất ký hiệu C4 thuộc Dân cư số 01 Nguyễn Tri Phương (lô đất số 03)	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	118,8	393.250	46.718.000
14	Khu đất ký hiệu B1.16 thuộc Khu Tây nam Hòa Cường (lô đất số 601)	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	118,4	701.400	83.046.000
15	Khu đất ký hiệu B3-10 thuộc Khu dân cư số 4 Nguyễn tri Phương (gồm 06 lô: từ lô số 04 đến lô số 09)	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	1.002,0	597.617	598.812.000
16	Khu đất ký hiệu B3-10 thuộc Khu dân cư số 4 Nguyễn tri Phương (gồm 05 lô: từ lô số 10 đến lô số 14)	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các	835,0	597.570	498.971.000

<b>TT</b>	<b>Tên Khu đất</b>	<b>Mục đích sử dụng đất</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Đơn giá khởi điểm cho thuê đất (đồng/m<sup>2</sup>/năm)</b>	<b>Giá trị cho thuê đất (đồng/năm)</b>
		loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)			
17	Khu đất ký hiệu B3-10 thuộc Khu dân cư số 4 Nguyễn tri Phương (gồm 06 lô: từ lô số 15 đến lô số 20)	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	1.002,0	597.659	598.854.000
18	Khu đất ký hiệu B1 thuộc Khu dân cư Tuyên Sơn giữa đường 2/9 Núi Thành (gồm 06 lô: từ lô số 10 đến lô số 15)	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	705,9	602.400	425.234.000
19	Khu đất ký hiệu B3 thuộc Khu dân cư dọc tuyến Trường Sa (gồm 04 lô: từ lô số 01 đến lô số 04)	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	616,2	421.320	259.617.000
20	Khu 494 Núi Thành – thuộc tổng thể DA Tây Nam Hòa Cường (Gồm 03 lô: lô 94, 95, 96 phân khu B1.1)	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	379,5	399.410	151.576.000
21	Khu Tây nam Hòa Cường (lô 958 phân khu B1.28)	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	210,0	399.410	83.876.000

TT	Tên Khu đất	Mục đích sử dụng đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Đơn giá khởi điểm cho thuê đất (đồng/m <sup>2</sup> /năm)	Giá trị cho thuê đất (đồng/năm)
<b>IX</b>	<b>PHƯỜNG THANH KHÊ</b>				
1	Khu đất ký hiệu B2-3 thuộc Trục I Tây Bắc (gồm 11 lô: từ lô số 124 đến lô số 134)	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	1.128,2	122.900	138.656.000
2	Khu đất ký hiệu D thuộc Khu dân cư 285 Trần Cao Vân (Lô đất số 01)	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	89,9	550.200	49.463.000
<b>X</b>	<b>PHƯỜNG NGŨ HÀNH SƠN</b>				
1	Khu đất ký hiệu B2-3 thuộc Khu tái định cư phía Đông Xưởng 38&387 (Lô đất số 34)	Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát, sinh vật cảnh, các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ khác...)	81,2	561.600	45.602.000